

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày: 30/12/2021

V/v “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế và đòi lại tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Thuận

2. Ông Ngô Văn Nghị

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2016 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 15/3 TQD, thị trấn PP, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã KY, huyện Kông Chro, Gia Lai.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 21/2 NL, thị trấn PP, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 12, xã AT, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

3. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp VK, xã SC, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị H1: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1978.

4. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1968 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 422/1 THĐ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
5. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 12, Phường TS, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.
6. Ông Huỳnh Ngọc B1, sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn AQ, xã PA, huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai.
7. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1957 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 4, khối HL, thị trấn PP, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
8. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1972 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 342/19 LD, phường ĐĐ, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.
9. Ông Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1974 (Có mặt).
Địa chỉ: 23 NGT, Phường BĐ, Thị xã An Nhơn, Bình Định.
10. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1979 (Vắng mặt).
Địa chỉ: 13/5 LDC, tổ 13, phường HP, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai.
11. Ông Tống Từ M, bà Huỳnh Thị Mỹ H2 (Vắng mặt).
Địa chỉ: thôn HS, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
12. Ông Nguyễn Hữu B1, sinh năm 1964 (Có mặt).
Địa chỉ: thôn HS, xã BT, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
13. Bà Lý Thị H3, sinh năm 1969 (Vắng mặt).
14. Anh Huỳnh Lý N, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Đồng trú cùng địa chỉ: Thôn 2, xã KY, huyện Kông Chro, Gia Lai.
15. Chị Mai Thanh H4, sinh năm 1986 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Xã AĐ, huyện Hoài ân, tỉnh Bình Định
16. Chị Mai Thị H5, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Xóm 8, thôn AC, xã TB, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
17. Anh Mai Huỳnh H6, sinh năm 1993 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 12, xã AT, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: Cha bà là Huỳnh Ngọc C (chết năm 2008), mẹ Lê Thị C1 (chết năm 2007), giữa cha mẹ bà có 08 người con chung là Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị A, Huỳnh Ngọc B1, Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T, ngoài ra cha bà còn có 05 người con riêng là Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị M1 (chết), Huỳnh Ngọc D, Huỳnh Ngọc T3. Cha mẹ bà chết không để lại di chúc, cũng không ấn định người nào quản lý di sản. Di sản của cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 314029 thửa đất số 482, tờ bản số 7, diện tích 607m² (300m² đất ở, 307m² đất trồng cây hàng năm khác) và hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng Quốc lộ 19 (trước thửa đất 482 và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất lúa diện tích đất bao nhiêu bà

không biết được đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000 đồng, tổng cộng là 135.300.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B đang quản lý. Trước khi cha mẹ bà chết vào ngày 17/10/2004 có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Tống Từ M, bà Huỳnh Thị Mỹ H2 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M, bà H2 với diện tích là 89,3 m² đất ở và năm 2002 và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở. Từ khi mua đến nay các bên chưa làm thủ tục sang tên cho ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1, bà không có tranh chấp gì về việc cha mẹ đã chuyển nhượng đất cho ông M, bà H2 và ông B1. Bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ bà với vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 để vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất đã chuyển nhượng không còn là di sản của cha mẹ bà nên di sản của cha mẹ còn lại là 92,6m² đất ở và 279m² đất vườn. Nay bà yêu cầu chia các di sản trên theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu nhận kỷ phần của bà và các kỷ phần được tặng cho từ các anh chị là Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị H, Huỳnh Ngọc B1, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Ngọc D, Huỳnh Ngọc T3, Huỳnh Thị M1 bằng hiện vật. Khi cha mẹ còn sống, mẹ bệnh thì bà Huỳnh Thị Đ có vay 10.000.000 đồng để lo chữa bệnh cho mẹ, nay bà thống nhất các hàng thừa kế đồng có trách nhiệm trả cho bà Đ 10.000.000 đồng trước khi phân chia di sản. Ngoài ra không yêu cầu gì.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Huỳnh Ngọc B trình bày: Ông thống nhất về hàng thừa kế như bà Huỳnh Thị T khai. Cha mẹ ông là ông Huỳnh Ngọc C (chết năm 2008) và bà Lê Thị C1 (chết năm 2007) không để lại di chúc, di sản của cha, mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định và hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng Quốc lộ 19 (trước thửa đất 482 và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất lúa được đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000 đồng, tổng cộng là 135.300.000 đồng, hiện số tiền này do ông đang quản lý. Trước khi cha mẹ chết, vào ngày 17/10/2004 cha mẹ có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích 89,3 m² đất ở và vào năm 2002 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở. Từ khi mua đến nay các bên chưa làm thủ tục sang tên cho ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1. Nay Tòa án giải quyết phân chia di sản là thửa đất trên ông không có tranh chấp gì về việc cha mẹ đã chuyển nhượng đất cho ông M, bà H2 và ông B1, ông yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ ông và vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 để vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất đã chuyển nhượng trên không còn là di sản của cha mẹ ông nên di sản của cha mẹ còn lại diện tích đất ở là 92,6m² và 279m² đất vườn. Nay ông không đồng ý phân chia các di sản trên mà nhà đất trên để làm nhà từ đường họ Huỳnh. Còn phần tiền nhận từ việc đền bù xây dựng Đàn tế trời đất và mở rộng quốc lộ 19 thì dùng vào việc thờ cúng ông bà hàng năm. Ông yêu cầu 13 người con của ông C, bà C1 góp mỗi người 10.000.000 đồng để xây dựng, tu bổ lại nhà trên thửa đất tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định để làm nhà từ

đường thờ cúng ông bà. Nếu phải phân chia các di sản trên thì ông xin nhận bằng hiện vật phần của ông được chia theo quy định của pháp luật. Ông thống nhất các hàng thừa kế đồng trả cho bà Huỳnh Thị Đ 10.000.000 đồng do bà Đồng vay để chữa bệnh cho cha mẹ trước khi phân chia di sản.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ trình bày: Về hàng thừa kế bà thống nhất như bà T trình bày. Cha mẹ bà là ông Huỳnh Ngọc C (chết năm 2008) và bà Lê Thị C1 (chết năm 2007) không để lại di chúc, di sản của cha, mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 314029 thửa đất số 482, tờ bản số 7, diện tích 607m² (300m² đất ở, 307m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định và hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất 482 và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất lúa diện tích đất bao nhiêu bà không biết được đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000 đồng, tổng cộng là 135.300.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B đang quản lý. Trước khi cha mẹ chết, vào ngày 17/10/2004 cha mẹ có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích 89,3m² đất ở và vào năm 2002 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở. Từ khi mua đến nay các bên chưa làm thủ tục sang tên cho ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1. Nay Tòa án giải quyết phân chia di sản là thửa đất trên bà không có tranh chấp gì về việc cha mẹ đã chuyển nhượng đất cho ông M, bà H2 và ông B1. Bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ ông và ông vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 để vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất đã chuyển nhượng trên không còn là di sản của cha mẹ bà nên di sản của cha mẹ còn lại diện tích đất ở là 92,6m² và 279m² đất vườn. Ngoài ra trước khi cha mẹ chết, mẹ bà nằm điều trị tại bệnh viện bà có vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sacombank phòng giao dịch huyện Tây Sơn với số tiền 10.000.000 đồng để chữa bệnh. Nay bà yêu cầu phân di sản của cha mẹ để lại trả cho bà 10.000.000 đồng và không đồng ý phân chia các di sản trên mà để làm nhà từ đường họ Huỳnh. Còn phần tiền nhận từ việc đền bù xây dựng Đàn tế trời đất và mở rộng quốc lộ 19 thì dùng vào việc thờ cúng ông bà hàng năm. Bà yêu cầu 13 người con của ông C, bà C1 góp mỗi người 10.000.000 đồng để xây dựng, tu bổ lại nhà trên thửa đất tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định để làm nhà từ đường thờ cúng ông bà. Nếu chia các di sản trên thì bà yêu cầu nhận bằng hiện vật phần của bà được hưởng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Ngọc B1 trình bày: Bà H, T1, A, ông B1 đều thống nhất về hàng thừa kế cũng như các di sản của ông Huỳnh Ngọc C và bà Lê Thị C1 để lại và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật như bà Huỳnh Thị T trình bày. Đối với phần được chia thừa kế của cha mẹ để lại là diện tích đất ở và đất vườn, tiền đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số

tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ thì bà H, A, T1, ông B1 đều thống nhất giao toàn bộ cho bà T được sở hữu sử dụng, không yêu cầu bà T thanh toán lại giá trị. Các ông bà thống nhất các hàng thừa kế đồng trả cho bà Huỳnh Thị Đ 10.000.000đ do bà Đ vay để chữa bệnh cho cha mẹ trước khi phân chia di sản và không có tranh chấp gì với diện tích đất mà cha mẹ đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích là 89,3m² đất ở và ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H1 trình bày: Về hàng thừa kế bà thống nhất như bà T trình bày. Cha mẹ bà là ông Huỳnh Ngọc C (chết năm 2008) và bà Lê Thị C1 (chết năm 2007) không để lại di chúc, di sản của cha, mẹ để lại là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 314029 thửa đất số 482, tờ bản số 7, diện tích 607m² (300m² đất ở, 307m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định và hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ. Trước khi cha mẹ chết, vào ngày 17/10/2004 cha mẹ có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích 89,3m² đất ở và vào năm 2002 cha mẹ chuyển nhượng cho ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở. Từ khi mua đến nay các bên chưa làm thủ tục sang tên cho ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1. Nay Tòa án giải quyết phân chia di sản là thửa đất trên bà không có tranh chấp gì về việc cha mẹ đã chuyển nhượng đất cho ông M, bà H2 và ông B1. Bà yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cha mẹ ông và ông vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 để vợ chồng ông M, bà H2 và ông Nguyễn Hữu B1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất đã chuyển nhượng trên không còn là di sản của cha mẹ bà nên di sản của cha mẹ còn lại diện tích đất ở là 92,6m² và 279m² đất vườn. Bà không đồng ý di sản của cha mẹ để lại làm nhà từ đường họ Huỳnh mà yêu cầu chia các di sản trên theo quy định của pháp luật, bà xin nhận bằng hiện vật phần của bà được hưởng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc D trình bày: Ông thống nhất như bà T, ông B trình bày về hàng thừa kế, người thừa kế và di sản mà cha (Huỳnh Ngọc C) và bà (Lê Thị C1) để lại. Ông thống nhất di sản (đất ở + đất vườn) cùng với hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng Quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ là của ông C và bà C1. Ông thống nhất các hàng thừa kế đồng trả cho bà Huỳnh Thị Đ 10.000.000đ do bà Đ vay để chữa bệnh cho cha mẹ trước khi phân chia di sản và không có tranh chấp gì với diện tích đất mà ông C, bà C1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích là 89,3m² đất ở và ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25m² đất ở. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế thì phần của ông, ông T3, bà

M1 được hưởng thì ông thống nhất giao toàn bộ cho bà T được sở hữu sử dụng, không yêu cầu bà T thanh toán lại giá trị.

Bà Huỳnh Thị M1 bị bệnh bẩm sinh không có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi bị khuyết tật nặng về trí tuệ do ông chăm sóc, nuôi dưỡng, bà M1 đã chết ngày 19/7/2021 do ông là người đi khai tử nên phần bà M1 được hưởng thừa kế theo pháp luật thì ông xin được nhận để sử dụng vào việc thờ cúng cho bà M1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T3 trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của ông Huỳnh Ngọc D. Đối với phần được chia thừa kế của cha để lại là diện tích đất ở và đất vườn, tiền đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ thì ông giao cho ông D được sở hữu sử dụng, không yêu cầu ông D thanh toán lại giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị M trình bày: Bà thống nhất như bà T, ông B trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, người thừa kế và di sản mà cha (Huỳnh Ngọc C) và mẹ (Lê Thị C1) để lại. Di sản (đất ở + đất vườn) cùng với hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ là của ông C và bà C1. Bà thống nhất các hàng thừa kế đồng trả cho bà Huỳnh Thị Đ 10.000.000đ do bà Đ vay để chữa bệnh cho cha mẹ trước khi phân chia di sản và không có tranh chấp gì với diện tích đất mà ông C, bà C1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích là 89,3 m² đất ở và ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25 m² đất ở. Nay bà không đồng ý phân chia các di sản trên mà để làm nhà từ đường họ Huỳnh. Còn phần tiền nhận từ việc đền bù xây dựng Đàn tế trời đất và mở rộng quốc lộ 19 thì dùng vào việc thờ cúng ông bà hàng năm. Nếu theo quy định của pháp luật buộc phải phân chia các di sản trên thì bà tặng cho kỷ phần của bà được nhận cho ông Huỳnh Ngọc B để thờ cúng ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T2 trình bày: Bà thống nhất như bà T, ông B trình bày về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, người thừa kế và di sản mà cha (Huỳnh Ngọc C) và mẹ (Lê Thị C1) để lại. Di sản (đất ở + đất vườn) cùng với hai số tiền nhận đền bù từ việc mở rộng quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.000.000đ và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.300.000đ là của ông C và bà C1. Bà thống nhất các hàng thừa kế đồng trả cho bà Huỳnh Thị Đ 10.000.000đ do bà Đ vay để chữa bệnh cho cha mẹ trước khi phân chia di sản và không có tranh chấp gì với diện tích đất mà ông C, bà C1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M diện tích là 89,3 m² đất ở và ông Nguyễn Hữu B1 diện tích 109,25 m² đất ở. Nay bà không đồng ý phân chia các di sản trên mà để làm nhà từ đường họ Huỳnh và cúng giỗ ông bà hàng năm. Nếu phải phân chia thì bà yêu cầu được nhận phần của bà bằng hiện vật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H3 trình bày: Bà là vợ ông Huỳnh Ngọc B, là con dâu ông C, bà C1. Vào thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, bà là thành viên trong hộ gia đình ông C cùng với 09 thành viên khác để được cân đối giao quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông bà ở chung với ông C, bà C1 là người chăm sóc nuôi dưỡng ông C, bà C1. Di sản của ông C, bà C1 để lại là thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7 tại Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn và số tiền 135.300.000 đồng do nhận bồi thường mở rộng quốc lộ 19, đất ruộng, di sản trên hiện do chồng bà (ông B) đang quản lý. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với các di sản trên, bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu chia vợ chồng bà phần hơn vì vợ chồng bà là người có công chăm sóc nuôi dưỡng, bà yêu cầu nhận hiện vật phần đất bà được cân đối giao quyền để giao lại cho chồng là Huỳnh Ngọc B được sử dụng. Thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7 cha mẹ chồng và chồng bà có chuyển nhượng cho ông Tống Từ M và ông Nguyễn Hứa B1 diện tích bao nhiêu bà không rõ, bà không có tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Lý Nhân trình bày: Anh là con ông Huỳnh Ngọc B, cháu nội của ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1. Vào thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, anh là thành viên trong hộ gia đình ông C cùng với 09 thành viên khác để được cân đối giao quyền sử dụng đất. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế đối với số tiền 135.300.000đ do nhận bồi thường mở rộng quốc lộ 19, đất ruộng, hiện do cha anh ông B đang quản lý và thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7 anh yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh yêu cầu nhận hiện vật phần đất anh được cân đối giao quyền để giao lại cho ông Huỳnh Ngọc B được sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Mai Thanh H4, Mai Thị H5, anh Mai Huỳnh H6 đều thống nhất trình bày: Các anh chị là con của bà Huỳnh Thị H, cháu ngoại của ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1. Vào thời điểm thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, anh, chị là thành viên trong hộ gia đình ông C cùng với 09 thành viên khác để được cân đối giao quyền sử dụng đất. Nay bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7 và số tiền 135.300.000đ do nhận bồi thường thì các anh, chị yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các anh, chị yêu cầu nhận hiện vật đối với phần đất nông nghiệp được cân đối giao quyền để giao lại cho mẹ là bà Huỳnh Thị H được sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M trình bày: Vào ngày 17/10/2004 vợ chồng ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1 cùng con là Huỳnh Ngọc B ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà với diện tích là 112m² đất ở nhưng diện tích thực tế sử dụng là 89,3m² đất ở, ranh giới không thay đổi gì. Từ khi mua đến nay hai bên chưa làm thủ tục sang tên, các con của ông C bà C1 biết và không tranh chấp gì, gia đình bà đã xây nhà ở ổn định, thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước từ đó đến nay. Nay các con ông C bà C1 chia di sản thừa kế thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà và ông C, bà C1 để

vợ chồng ông bà làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông bà và diện tích đất trên không còn là di sản của ông C bà C1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu B1 trình bày: Vào ngày 03/4/2002 vợ chồng ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông với diện tích là 109,25m² đất ở nhưng diện tích thực tế sử dụng là 118,1m² đất ở, ranh giới không thay đổi gì. Từ khi mua đến nay hai bên chưa làm thủ tục sang tên, các con của ông C bà C1 biết và không tranh chấp gì, gia đình ông đã xây nhà ở ổn định, thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước từ đó đến nay. Nay các con ông C bà C1 chia di sản thừa kế thừa đất số 482, tờ bản đồ số 7, ông yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và ông C, bà C1 để ông làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và diện tích trên không còn là di sản của ông C bà C1.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi Tòa thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự đúng theo quy định. Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, căn cứ quy định Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị T.

- Xác định di sản của vợ chồng cụ Huỳnh Ngọc C, cụ bà Lê Thị C1 để lại của thừa đất số 482, tờ bản đồ số 07, diện tích là 371,6m² (trong đó 92,6 m² đất ở; 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) đã trừ diện tích đất bán cho ông M, ông B1 đất ở theo thực tế sử dụng, tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định và số tiền nhận đền bù số tiền 135.328.400 đồng được chia cho các hàng thừa kế được hưởng theo pháp luật sau khi trừ số tiền 10.000.000 đồng phải trả cho bà Huỳnh Thị Đ. Đối với đất nông nghiệp cấp cho hộ ông C và số tiền bồi thường đất nông nghiệp được chia cho các thành viên trong hộ gồm 10 người.

- Công nhận sự thỏa thuận của bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị A, ông Huỳnh Ngọc B1, ông Huỳnh Ngọc D giao toàn bộ phần thừa kế của mình được nhận cho bà Huỳnh Thị T sở hữu sử dụng, không yêu cầu thanh toán lại giá trị tài sản.

- Giao nhà và đất của thừa đất số 482, tờ bản đồ số 7, diện tích đất 371,6m² (trong đó 92,6 m² đất ở và 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định cho bà Huỳnh Thị T sở hữu sử dụng. Buộc bà T phải thanh toán lại giá trị tiền cho ông Huỳnh Ngọc B, bà Huỳnh Thị Đ, bà Huỳnh Thị H1, bà Huỳnh Thị T2. Buộc ông Huỳnh Ngọc B phải thanh toán số

tiền bồi thường đất do ông đang quản lý cho các hàng thừa kế và các thành viên trong hộ được cấp đất nông nghiệp được nhận theo quy định của pháp luật.

Về án phí, chi phí định giá đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản và đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Huỳnh Ngọc B và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ, bà Lý Thị H3, anh Huỳnh Lý N; bà Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị A, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T2, ông Huỳnh Ngọc T3, chị Mai Thanh H4, Mai Thị H5, anh Mai Huỳnh H6. Căn cứ quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế: Cụ ông Huỳnh Ngọc C (chết 28/12/2008), thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 28/12/2038; cụ bà Lê Thị C1 (chết ngày 24/4/2007), thời điểm mở thừa kế của cụ C1 là ngày 24/4/2037. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ C và cụ C1 vẫn còn theo Điều 623 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Huỳnh Thị T là có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự đều thống nhất xác định giữa cụ ông Huỳnh Ngọc C, cụ bà Lê Thị C1 có 08 người con chung là Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị A, Huỳnh Ngọc B1, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T. Ngoài ra cụ ông Huỳnh Ngọc C còn có 05 người con riêng là Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị M1 (chết ngày 19/7/2021), Huỳnh Ngọc D, Huỳnh Ngọc T3. Ngoài ra cụ Huỳnh Ngọc C-Lê Thị C1 không có con nuôi, con riêng nào khác. Căn cứ quy định tại Điều 613, Khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự có cơ sở để xác định người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Huỳnh Ngọc C gồm có: Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Thị Đồng, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị A, Huỳnh Ngọc B1, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T2, Huỳnh Thị M1, Huỳnh Ngọc D, Huỳnh Ngọc T3. Người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Lê Thị C1 gồm có: Huỳnh Ngọc B, Huỳnh Thị Đ, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị H1, Huỳnh Thị A, Huỳnh Ngọc B1, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T.

[2.2] Về di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận di sản của cụ Huỳnh Ngọc C, Lê Thị C1 để lại: Các bên đương sự thống nhất di sản chưa chia gồm: Thửa đất số 482, tờ bản số 7 có diện tích $607m^2$ ($300m^2$ đất ở, $307m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định do ông Huỳnh Ngọc B quản lý sử dụng. Trước khi cụ C, cụ C1 chết vào ngày 17/10/2004 cụ C, cụ C1 có chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông M, bà H2 diện tích là $112m^2$ đất ở nhưng diện tích thực tế sử dụng là $89,3m^2$ đất ở và ngày 03/4/2002 cụ C, cụ C1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu B1 diện tích là $109,25m^2$ loại đất ở nhưng diện tích thực tế sử dụng là $118,1m^2$. Theo Biên bản xác minh ngày 28/5/2021 UBND xã Bình Tường cung cấp: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 17/10/2004 giữa ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1 và bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày năm 2002 giữa ông Huỳnh Ngọc C, bà Lê Thị C1 và ông Nguyễn Hữu B1 là các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thổ cư. Các bên đã giao nhận đất, tiền, xây nhà khai thác sử dụng liên tục từ khi chuyển nhượng đến nay không tranh chấp gì. Hiện trạng hiện nay ngôi nhà và các công trình do ông Huỳnh Ngọc C bà Lê Thị C1 tạo lập trên thửa đất số 482, tờ bản đồ số 07 không còn vì vậy loại đất ở của thửa đất dựa vào hiện trạng và giao dịch đã chuyển nhượng. Cụ thể thửa đất bà Huỳnh Thị Mỹ H2, ông Tống Từ M có diện tích là $89,3m^2$ loại đất ở. Thửa đất ông Nguyễn Hữu B1 có diện tích là $118,1m^2$ loại đất ở. Các hàng thừa kế của cụ C và cụ C1 không có tranh chấp gì về việc chuyển nhượng đất này, công nhận diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông M, bà H2 và ông B1 là diện tích đất ở nên di sản của cụ Huỳnh Ngọc C và Lê Thị C1 còn lại có diện tích là $371,6m^2$ (trong đó $92,6m^2$ đất ở và $279m^2$ đất trồng cây hàng năm khác).

Qua xác minh của UBND xã Bình Tường ngày 26/8/2021 cung cấp: Thực hiện Luật đất đai năm 1993, Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc lập phương án giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân trên địa bàn xã Bình Tường, hộ ông Huỳnh Ngọc C tại thời điểm cân đối giao quyền gồm có 10 nhân khẩu gồm có: Huỳnh Ngọc C, Lê Thị C1, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T, Mai Thị H5, Mai Thanh H4, Mai Huỳnh H6, Lý Thị H3, Huỳnh Lý N; và hộ ông Huỳnh Ngọc C được Nhà nước giao quyền sử dụng đất trong đó có thửa số số 482, tờ bản số 7 có diện tích $607m^2$ ($300m^2$ đất ở, $307m^2$ đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định. Như vậy, có căn cứ xác định vào thời điểm giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nhân dân ổn định sản xuất thì chính quyền địa phương căn cứ vào số nhân khẩu có trong hộ sống bằng nghề nông để chia đất sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều thống nhất thời điểm cấp đất cho hộ ông C gồm có 10 thành viên trong hộ như UBND xã Bình Tường xác nhận.

Theo biên bản xác minh ngày 03/3/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tây Sơn cung cấp: Năm 2014 Nhà nước mở rộng đường Quốc lộ 19 và giải phóng

mặt bằng Đàn tế trời đất ở thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn nên đã thu hồi một số diện tích đất trồng cây hàng năm khác và đã bồi thường ông Huỳnh Ngọc B đại diện hộ gia đình cha ruột Huỳnh Ngọc C nhận tiền đền bù từ việc mở rộng đường Quốc lộ 19 (trước thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên) với số tiền là 54.008.400 đồng và tiền thu hồi đất đền bù cho việc xây dựng Đàn tế trời đất với số tiền là 81.320.000 đồng, tổng cộng 135.328.400 đồng, hiện số tiền này do ông B đang quản lý. Do đó, di sản của cụ Huỳnh Ngọc C và cụ Lê Thị C1 còn lại là 01 phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 07 có diện tích là 371,6m² (trong đó 92,6 m² đất ở; 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định và số tiền 135.328.400 đồng nên những người có tên trong hộ ông Huỳnh Ngọc C tại thời điểm cân đối giao quyền có 10 nhân khẩu gồm có: Huỳnh Ngọc C, Lê Thị C1, Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T, Mai Thị H5, Mai Thanh H4, Mai Huỳnh H6, Lý Thị H3, Huỳnh Lý N được hưởng mỗi người 1/10 số tiền 13.532.840 đồng (1/10 x 135.328.400đ).

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều thống nhất diện tích đất, giá đất theo biên bản định giá ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn về giá đất ở, đất vườn hiện nay theo giá thị trường nên không yêu cầu định giá lại. Đất ở có giá 3.500.000 đồng/m²; Đất trồng cây hàng năm khác (đất vườn) có giá 1.600.000 đồng/m²; Trên diện tích đất 371,6m² (trong đó 92,6 m² đất ở; 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định của cụ C, C1 có các tài sản gồm: ngôi nhà cấp 4; 02 nhà kho; 01 nhà tắm; 01 bể cá; 01 giếng nước; 01 chuồng heo tất cả đều được xây dựng trước năm 1975, đã hết giá trị sử dụng nên không tính giá trị. Các bên đều thừa nhận nhà là do cụ C, cụ C1 xây dựng trước năm 1975 và thống nhất nhà và công trình phụ, vật kiến trúc trên đất đã hết giá trị khấu hao các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét tính giá trị nhà và các tài sản trên đất. Giá trị tài sản của cụ C và cụ C1 để lại 92,6m² đất ở có giá 324.100.000 đồng (92,6m² x 3.500.000 đồng/m²); 55,8m² đất trồng cây hàng năm khác có giá 89.280.000 đồng (55,8m² x 1.600.000đ/m²) và số tiền 27.065.680 đồng, cụ C và cụ C1 mỗi người được ½. Đối với diện tích đất trồng cây hàng năm khác tại thửa 482 Nhà nước cấp đất cho hộ theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ nên những người trong hộ gồm cụ Huỳnh Ngọc C, Lê Thị C1, bà Huỳnh Thị H, Huỳnh Thị T1, Huỳnh Thị T, chị Mai Thị H5, Mai Thanh H4, anh Mai Huỳnh H6, bà Lý Thị H3, anh Huỳnh Lý N được hưởng đất trồng cây hàng năm khác theo định suất mỗi phần bằng nhau. Cụ thể mỗi người được nhận 1/10 diện tích là 27,9m² (1/10 x 279m²). Cụ C và cụ C1 chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật được quy định tại Điều 649, 650 của BLDS.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất phần bà Huỳnh Thị M1 (chết ngày 19/7/2021) được chia thừa kế của cụ C giao cho ông Huỳnh Ngọc D sử dụng để lo thờ cúng bà M1. Do đó, HĐXX nghĩ nên giao phần của bà M1 được hưởng thừa kế cho ông Huỳnh Ngọc D được quản lý sử dụng.

[2.3] Về yêu cầu chia di sản: Các đương sự đều có yêu cầu chia đất để làm nhà. Xét yêu cầu của đương sự, HĐXX thấy rằng: Căn cứ Quyết định số 40/2014/QĐ-

UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Bình Định quy định diện tích tối thiểu của một thửa đất ở sau khi tách thửa là $40m^2$, có chiều rộng hoặc chiều dài hơn 3m; Đối với diện tích tối thiểu của một thửa đất nông nghiệp sau khi tách thửa là $300m^2$ nên không thể chia bằng đất cho từng người được nhận mà nghĩ nên giao cho một người nhận toàn bộ thửa đất và thanh toán lại giá trị tiền cho các hàng thừa kế mới đảm bảo quyền lợi của đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, khi cụ C, cụ C1 còn sống lúc cụ C1 nằm điều trị tại bệnh viện thì bà Huỳnh Thị Đồng có vay số tiền 10.000.000 đồng để lo chữa bệnh cho cụ C1 được các hàng thừa kế của cụ C và cụ C1 thống nhất đồng ý trả cho bà Huỳnh Thị Đồng 10.000.000 đồng trước khi phân chia di sản nên được trừ số tiền 10.000.000 đồng vào số tiền 27.065.680 đồng, còn lại 17.065.680 đồng thì cụ C và cụ C1 mỗi người được nhận $\frac{1}{2}$ số tiền là 8.532.840 đồng tiền đền bù đất nông nghiệp.

Như vậy, phần di sản của cụ C để lại là $27,9m^2$ đất trồng cây hàng năm khác; $46,3 m^2$ đất ở và 8.532.840 đồng tiền bồi thường, hàng thừa kế của cụ C gồm 13 người nên một kỹ phân thừa kế của cụ C được nhận là 656.372 đồng tiền bồi thường; $2,15m^2$ đất trồng cây hàng năm khác và $3,56m^2$ đất ở. Phần di sản của cụ C1 để lại là $27,9m^2$ đất trồng cây hàng năm khác; $46,3 m^2$ đất ở và 8.532.840 đồng tiền bồi thường, hàng thừa kế của cụ C1 gồm 8 người nên một kỹ phân thừa kế của cụ C1 được nhận là 1.066.605 đồng tiền bồi thường; $3,49m^2$ đất trồng cây hàng năm khác; $5,79 m^2$ đất ở.

Các đồng thừa kế thống nhất phân chia phần di sản đất nông nghiệp theo quy định của pháp luật nhưng các bên không thống nhất cách thức nhận di sản. Chị Mai Thanh H4, anh Mai Huỳnh H6, chị Mai Thị H5 được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp hộ ông C là $83,7m^2$ ($27,9 \times 3$), các anh chị thống nhất giao cho mẹ là bà Huỳnh Thị H được sở hữu. Phần bà Lý Thị Hương, anh Huỳnh Lý N được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp hộ ông C là $55,8m^2$ ($27,9 \times 2$), bà Hương, anh N thống nhất giao cho ông Huỳnh Ngọc B được sở hữu; Phần bà Huỳnh Thị H, bà Huỳnh Thị T1 được cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp hộ ông C là $55,8m^2$ ($27,9 \times 2$). Đối với phần đất nông nghiệp $83,7m^2$ mà chị H4, chị H5, anh H6 được nhận thì các anh chị đều thống nhất giao cho bà H được sở hữu. Bà H, bà T1 thống nhất giao phần đất nông nghiệp được cân đối cho bà Huỳnh Thị T được sở hữu sử dụng cũng như phần thừa kế mà bà H, T1, A, ông B1 được chia thừa kế của cụ C và cụ C1 nhận là $37,40m^2$ đất ở và $22,56m^2$ đất vườn và số tiền 6.892.000 đồng thì bà H, T1, A, ông B1 tự nguyện giao toàn bộ phần của mình cho bà Huỳnh Thị T được sở hữu sử dụng; Đối với phần của ông D được chia thừa kế từ cụ C là diện tích đất ở $10,68m^2$ và $6,45m^2$ đất trồng cây hàng năm khác (trong đó có phần của ông Huỳnh Ngọc T3 tự nguyện giao cho ông D sở hữu sử dụng và phần của bà Huỳnh Thị M1) thì ông D tự nguyện giao toàn bộ phần của mình cho bà Huỳnh Thị T được sở hữu sử dụng. Phần của bà Huỳnh Thị M được chia thừa kế của cụ C nhận là $3,56m^2$ đất ở, $2,15m^2$ đất vườn và số tiền 656.372 đồng, bà M tự nguyện giao toàn bộ phần của mình cho ông Huỳnh Ngọc B được sở hữu sử dụng. Bà H, A, T1, ông B1, ông D đều không yêu cầu bà T thanh toán lại giá trị tài sản. Bà M, bà Hương, anh N đều không

yêu cầu ông B thanh toán lại giá trị. Thấy rằng, yêu cầu của các đương sự là phù hợp pháp luật, không trái pháp luật nên được HĐXX công nhận.

[2.4] Về nhận di sản: Xét thấy nhà, đất và số tiền là di sản của cụ C, cụ C1 hiện đang do ông Huỳnh Ngọc B quản lý nhưng hiện nay ông Huỳnh Ngọc B đang cư trú có đăng ký hộ khẩu tại thôn 2, Kông Yang, Kông Chro, Gia Lai. Vì vậy HĐXX nghĩ nên giao cho bà Huỳnh Thị T được nhận nhà, đất và thanh toán lại giá trị đất bằng tiền cho các hàng thừa kế là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, giao toàn bộ nhà và thửa đất số 482, tờ bản đồ số 07 có diện tích 371,6m² (trong đó 92,6 m² đất ở; 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định cho bà Huỳnh Thị T được sở hữu sử dụng sau khi có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Huỳnh Ngọc B số tiền là 146.929.000 đồng (12,91m² đất ở x 3.500.000đ/m² = 45.185.000đ và 63,59m² đất trồng cây hàng năm khác x 1.600.000đ/m² = 101.744.000đ); Bà Huỳnh Thị Đ số tiền 41.749.000 đồng (9,35m² đất ở x 3.500.000đ/m² = 32.725.000đ và 5,64m² đất trồng cây hàng năm khác x 1.600.000đ/m² = 9.024.000đ); Bà Huỳnh Thị H1 số tiền 41.749.000 đồng (9,35m² đất ở x 3.500.000đ/m² = 32.725.000đ và 5,64m² đất trồng cây hàng năm khác x 1.600.000đ/m² = 9.024.000đ); Bà Huỳnh Thị T2 số tiền 15.900.000 đồng (3,56m² đất ở x 3.500.000đ/m² = 12.460.000đ và 2,15m² đất trồng cây hàng năm khác x 1.600.000đ/m² = 3.440.000đ).

Về số tiền 135.328.400 đồng là tiền đền bù đất nông nghiệp do ông B nhận được chia cho các nhân khẩu có tên trong hộ ông Huỳnh Ngọc C được giao đất nông nghiệp (gồm C, C1, H, T, T1, H5, H4, H6, Hường, N), hiện số tiền này do ông B đang quản lý. Do đó, ông B phải giao lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền 89.800.000 đồng (gồm của bà H, T1, T, chị H5, H4, anh H6, ông B1, bà A); Giao cho bà Huỳnh Thị Đ số tiền 11.723.000 đồng; Giao cho bà Huỳnh Thị H1 số tiền 1.723.000 đồng; giao cho bà Huỳnh Thị T2 số tiền 656.000 đồng; giao cho ông Huỳnh Ngọc D số tiền 1.969.000 đồng; ông B được nhận số tiền 29.445.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Riêng bà Huỳnh Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do thuộc diện người cao tuổi.

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu 28.563.877 đồng án phí DSST (614.096.925đ = 20.000.000đ + 8.563.877đ), bà T đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00629 ngày 07/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn nên được khấu trừ còn phải nộp là 28.363.800 đồng.

- Ông Huỳnh Ngọc B phải chịu 8.818.000 đồng án phí DSST.
- Bà Huỳnh Thị H1 phải chịu 2.174.000 đồng án phí DSST.
- Bà Huỳnh Thị T2 phải chịu 828.000 đồng án phí DSST.
- Ông Huỳnh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí DSST

[4] Về chi phí định giá tài sản 5.000.000 đồng. Bà T, bà Đ, bà H1, bà T2, ông B mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng, bà T đã nộp ứng trước 5.000.000 đồng nên bà Đ, bà H1, bà T2, ông B mỗi người phải trả cho bà T 1.000.000 đồng.

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 623, 649, 650, 651, 660 và Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T về việc chia thừa kế di sản của cụ Huỳnh Ngọc C và Lê Thị C1 là thửa đất số 482, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại thôn Hòa Sơn, xã Bình Tường, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Giao bà Huỳnh Thị T được sở hữu sử dụng nhà và đất có diện tích 317,6m² đất (trong đó 92,6 m² đất ở và 279 m² đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại xóm 6, Hòa Sơn, Bình Tường, Tây Sơn, Bình Định. Sau khi có nghĩa vụ phải thanh toán cho các ông bà sau:

- Ông Huỳnh Ngọc B số tiền 146.929.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị Đ số tiền 41.749.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị H1 số tiền 41.749.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị T2 số tiền 15.900.000 đồng (Mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

3. Ông Huỳnh Ngọc B được sở hữu số tiền 176.370.000 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng) do bà Huỳnh Thị T thanh toán số tiền 146.920.000 đồng và được nhận số tiền 29.445.000 đồng do ông đang quản lý. Sau khi có nghĩa vụ phải thanh toán cho các ông bà sau:

- Bà Huỳnh Thị T số tiền 89.800.000 đồng (Tám mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị Đ số tiền 11.723.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị H1 số tiền 1.723.000 đồng (Một triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn đồng).

- Bà Huỳnh Thị T2 số tiền 656.000 đồng (Sáu trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Huỳnh Ngọc D số tiền 1.969.000 đồng (Một triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

4. Bà Huỳnh Thị T được sở hữu số tiền 89.800.000 đồng (Tám mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng) do ông Huỳnh Ngọc B thanh toán.

5. Bà Huỳnh Thị Đồng được sở hữu số tiền 53.470.000 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) do bà Huỳnh Thị T thanh toán là 41.740.00 đồng và số tiền 11.723.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B thanh toán.

6. Bà Huỳnh Thị H1 được sở hữu số tiền 43.470.000 đồng (Bốn mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) do bà Huỳnh Thị T thanh toán 41.740.000 đồng và số tiền 1.723.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B thanh toán.

7. Bà Huỳnh Thị T2 được sở hữu số tiền 16.555.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) do bà Huỳnh Thị T thanh toán 15.900.000 đồng và số tiền 655.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B thanh toán.

8. Ông Huỳnh Ngọc D được sở hữu số tiền 1.310.000 đồng do ông Huỳnh Ngọc B thanh toán.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị T phải chịu 28.563.877 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà T đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00629 ngày 07/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn nên được khấu trừ còn phải nộp là 28.363.800 đồng.

- Ông Huỳnh Ngọc B phải chịu 8.818.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị H1 phải chịu 2.174.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị T2 phải chịu 828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Huỳnh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về chi phí định giá tài sản: Bà T, bà Đ, bà H1, bà T2, ông B, mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng, bà T đã nộp ứng trước 5.000.000 đồng nên bà Đ, bà H1, bà T2, ông B mỗi người phải trả cho bà T 1.000.000 đồng.

11. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30/12/2021) đề yêu

cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự H. Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Minh Trí